

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC THỌ II

Số: /BC-THPTII

Lâm Hà ngày 05 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2023- 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên trường: **TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚC THỌ II**

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà

Tỉnh	Lâm Đồng	Họ tên	Bùi Thị Hồng Lâm
Huyện	Lâm Hà	Hiệu trưởng	
Xã	Phúc Thọ	Điện thoại	0977930467
Đạt chuẩn quốc gia	Mức độ 1	Fax	
Năm thành lập	8/1999	Website	C1phuctho2.lamdong@lamha.edu.vn
		Số điểm trường	01
Công lập	x	Có học sinh khuyết tật	x
Tư thục		Có học sinh bán trú	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn		Có học sinh nội trú	
Trường liên kết với nước ngoài		Loại hình khác	
Trường phổ thông DTNT			

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Phúc Thọ II

1.1. Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử

Trường Tiểu học Phúc Thọ II thuộc địa bàn thôn Lâm Bô, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Địa bàn gồm nhiều đồng bào dân tộc thiểu số: Cil, K'Ho, Tày, Nùng, ...đời sống của một bộ phận người dân trong Thôn Lâm Bô và thôn Phúc Cát còn khó khăn.

Địa điểm trụ sở chính: thôn Lâm Bô, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà

Điện thoại: 02633697070

Địa chỉ Email: c1phuctho2.lamha@lamdong.edu.vn.

1.2. Thông tin Trường, lớp, học sinh

Tổng số học sinh: 260 em. Lớp 1: 2 lớp/55 em; lớp 2: 2 lớp/58 em; lớp 3: 2 lớp/52 em; lớp 4: 2 lớp/51 em; lớp 5: 2 lớp/44 em.

Trong đó: + Số học sinh nữ: 127, tỉ lệ: 48,8%;

+ Số học sinh dân tộc thiểu số: 172, tỉ lệ: 66,0%.

- Số HS bỏ học (*số học sinh giảm, bỏ học so với đầu năm học*): 0.

- Số HS khuyết tật học hòa nhập: 01 em.

- Tổng số trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là 54 em.

1.3. Những đặc điểm chính của nhà trường (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể

a) Về điều kiện tự nhiên, xã hội

Trường Tiểu học Phúc Thọ II, mặt bằng đẹp. có 01 điểm trường chính với tổng diện tích 1034 m² đóng trên địa bàn thôn Lâm Bô, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà. Trường nằm ngay cạnh trục đường giao thông chính gồm học sinh điều tra phổ cập thôn Lâm Bô, Phúc Cát và Phúc Hợp. Dân cư khá đông chủ yếu đồng bào dân tộc Cil, CơHo, Tày, Nùng

b) Cơ cấu tổ chức

Tổng số lớp/học sinh trong năm học: 10 lớp/260 học sinh.

Tổng số viên chức, người lao động: 20; trong đó:

- Cán bộ quản lý: 02, nữ: 02; trình độ đào tạo: Thạc sĩ: 01; đại học: 01.

- Giáo viên: tổng số 14; nữ: 13; trình độ đào tạo đại học: 14/14, tỉ lệ 100%; tỉ lệ 1,4 giáo viên/lớp.

- Tổng phụ trách Đội: 01; trình độ đào tạo đại học GDTC (kiêm nhiệm)

- Tổng số nhân viên: 03, trong đó: 01 kế toán, 01 thư viện, 01 bảo vệ; trình độ

đào tạo đại học: 02 (nhân viên kế toán, nhân viên thư viện).

Nhà trường có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng; các tổ được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường luôn đoàn kết, nhất trí, nỗ lực vươn lên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Các hoạt động giáo dục, kết quả giáo dục của nhà trường được duy trì bền vững, có hướng phát triển tốt; chất lượng dạy và học của trường luôn được ngành đánh giá cao.

c) Tổ chức đảng, đoàn thể

- Tổ chức đảng: nhà trường có Chi bộ đảng với 17 đảng viên, tỉ lệ: 85%; chi bộ trực thuộc Đảng bộ Phúc Thọ, huyện Lâm Hà; chi ủy Chi bộ có 3 đảng viên

- Công đoàn: công đoàn nhà trường có 20 công đoàn viên, trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện Lâm Hà.

- Đoàn thanh niên có 06 đoàn viên, trực thuộc Đoàn xã Phúc Thọ.

- Chi hội Hội chữ thập đỏ có 20 hội viên thuộc Hội Chữ thập đỏ xã Phúc Thọ.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

* **Sứ mạng:** Xây dựng được môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn. Đội ngũ chuyên sâu, có đủ *Đức, Tâm và Tài* để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt sứ mệnh đào tạo thế hệ tương lai của đất nước. Tạo điều kiện để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, được trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết, để các em phát huy hết được năng lực cá nhân, tư duy sáng tạo của bản thân.

* **Tầm nhìn:** Trường Tiểu học Phúc Thọ II hướng đến mục tiêu xây dựng nhà trường phát triển toàn diện, bền vững. Phấn đấu Trường Tiểu học Phúc Thọ II thực sự là: *Nơi đào tạo học sinh hướng tới tương lai thành những con người nhiệt tình, năng động trong công việc, hoà nhập tốt trong cộng đồng yêu lao động, sống có trách nhiệm, lòng nhân ái và luôn có khát vọng vươn lên.*

* **Mục tiêu:** Thực hiện triệt để việc đổi mới công tác quản lý và phương pháp dạy học là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu. Đảm bảo cho được mục tiêu: *Chất lượng giáo dục toàn diện, thực chất và bền vững.* Đây là động lực để nhà trường luôn đổi mới và phát triển.

Với phương châm *“Chất lượng giáo dục là danh dự, là uy tín của nhà trường”*. Phát triển theo hướng *“Trường học thân thiện - Học sinh tích cực”*; xây dựng *“Môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn”*. Nhà trường phải thật sự là nơi học sinh muốn lựa chọn, là địa chỉ uy tín được nhân dân, phụ huynh tin cậy.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Phúc Thọ II nằm trên địa bàn thôn Lâm Bô, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng được thành lập năm 1999, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Lâm Hà; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định Điều lệ Trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT- BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2020*).

Từ một trường vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn, trải qua 25 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã trưởng thành từng bước cả về quy mô và chất lượng giáo dục. Đến nay nhà trường đã có cơ sở vật chất khang trang gồm: 02 dãy nhà hai tầng với 08 phòng học và 09 phòng chức năng và 01 dãy phòng học cấp 4. Nhà trường có đầy đủ các phòng phục vụ học tập, phòng hành chính quản trị, đáp ứng khá tốt cho hoạt động giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Trường thành lập theo Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/8/1999 từ đó đến nay được 25 năm. Lúc đầu trường được thành lập có 14 lớp 300 học sinh. Tổng có 03 điểm trường trong đó 01 điểm trường chính tại Thôn Lâm Bô, 01 điểm trường tại Thôn Phúc Cát và 01 điểm thôn Phúc Hợp. Đến thời điểm hiện tại do xóa bỏ điểm trường nên trường còn 01 điểm Trường chính tổng số: 10 lớp với 260 HS.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Họ và tên: **Bùi Thị Hồng Lâm**; Sinh ngày 12/8/1974; Giới tính: Nữ
- Quê quán: xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
- Trú quán: xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
- Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Phúc Thọ II
- Chức vụ: + Chính quyền: Hiệu trưởng
+ Chi bộ : Bí thư
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thạc sĩ
- Số điện thoại: 0977930467; Hộp thư: Runghong7274@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập:

Trường thành lập theo Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 16/8/1999 của Chủ tịch UBND huyện Lâm Hà về thành lập Trường Tiểu học Phúc Thọ II

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường được kiện toàn lại vào năm 2021 theo Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Lâm Hà.

Hội đồng trường Tiểu học Phúc Thọ II nhiệm kỳ 2021 – 2026 gồm các thành viên sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ CÔNG TÁC	HỘI ĐỒNG	Ghi chú
1	Bùi Thị Hồng Lâm	Bí thư CB- Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Thái Thị Hương	Chủ tịch công đoàn	Phó chủ tịch	
3	Hoàng Thị Hà	Tổ trưởng chuyên môn	Thư ký	
4	Lê Văn Tám	Phó bí thư CB- Phó HT	Thành viên	
5	Phạm Thị Thúy	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
6	Đỗ Thu Hương	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
7	Võ Thị Thu Thùy	Bí thư chi đoàn	Thành viên	
8	Phan Xuân Lập	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên	
9	Nguyễn Minh Quân	Tổng phụ trách	Thành viên	
10	Trần Văn Lùng	Phó CT xã Phúc Thọ	Thành viên	
11	Nguyễn Nho Vàng	Đại diện CMHS	Thành viên	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Tiểu học Phúc Thọ II, nhiệm kỳ 2021-2026;

Về phó hiệu trưởng được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 1433/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Huyện Lâm Hà, ngày 17 /4/2023 về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Phúc Thọ II

d) Chức năng, nhiệm vụ

Nhà trường thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học; đảm nhiệm công tác giáo dục tại địa phương.

Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác của Chương trình giáo dục phổ thông; quản lý đội ngũ VC, NLD; tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo qui định; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục, phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động giáo dục.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo qui định của Nhà nước, tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội, tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo qui định của pháp luật.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Lâm Hà; thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn của UBND huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND xã Phúc Thọ theo quy định tại Nghị định số: 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; đồng thời, thực hiện các quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

8.1. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo quy định

Trường Tiểu học Phúc Thọ II đã xây dựng kế hoạch, phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn Kế hoạch số 166/KH-THPTII 20/5/2019 của trường tiểu học Phúc Thọ II và đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo Lâm Hà phê duyệt 31/5/2019, Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2023 và tầm nhìn đến 2025. Trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của ngành; với các nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể, sát với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương. Năm học 2022-2023 điều chỉnh vì xóa điểm trường, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 304/KH-THPTII ngày 10 tháng 11 năm 2022, Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường - điều chỉnh.

8.2. Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục

Nhà trường ban hành Quyết định thực hiện quy chế dân chủ Số 198/QĐ-THPTII ngày 13/10/2023, Ban hành Quy chế dân chủ năm học 2023-2024

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

- Tổng số CBQL: 02 người, nữ 01, dân tộc 0. Trình độ: thạc sĩ 01, đại học 01, tỉ lệ 100%.

- Tổng số giáo viên: 14, nữ 13, dân tộc 4. Trong đó: thạc sĩ 0, đại học 14, tỉ lệ 100%. Số chưa đạt chuẩn là 0, tỉ lệ 0%.

Tỉ lệ giáo viên bình quân 1,4 giáo viên/lớp.

- Giáo viên tiểu học: 12 người, tỉ lệ 85,6%.

- Giáo viên Âm nhạc 0, tỉ lệ 0%. Giáo viên Mĩ thuật 0, tỉ lệ 0%.
- Giáo viên Thể dục (GDTC) kiêm tổng phụ trách: 01 người
- Số giáo viên tiếng Anh 02, trong đó có 01 giáo viên thỉnh giảng, tỉ lệ 7,1%.
- Giáo viên Tin học 01, tỉ lệ 7,1%.

Số giáo viên hợp đồng 02, tỉ lệ 14,2%.

- Năng lực giáo viên tiếng Anh đạt: C2 là 0, C1 là 0, B2 là 01, B1 là 0. Số giáo viên chưa đạt chuẩn B1 là 0 giáo viên.

- Tổng số nhân viên: Y tế, Kế toán, văn thư 03.

Kết quả xếp loại chuẩn nghề nghiệp: Năm học 2023 - 2024

- Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: đạt mức Tốt: 2/2, tỉ lệ 100%.
- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên (tính cả Tổng PT Đội): đạt mức Tốt 10/15, tỉ lệ 66,7%; đạt mức Khá 5/15, tỉ lệ 33,3%.

- Về kết quả đội ngũ:

- + Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh 01 tỉ lệ: - 5%;
- + Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 05 - 25%;
- + Lao động tiên tiến 20/20 - 100%;
- + Ủy ban Nhân huyện khen 02 - 10%.

Bảng thống kê cụ thể: Trình độ đào tạo và số lượng giáo viên 2023-2024

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Ghi chú
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	
Hiệu trưởng	1	1					1	
Phó hiệu trưởng	1					1		
Giáo viên	15	13	4	0	0	15		0
Nhân viên	3	2	2	0	0	2		1 (BV)
Đánh giá chuẩn	17	14	4					Hoàn thành tốt, khá
Số CBQL, GV Hoàn thành CT BDTX	17	14	4					Hoàn thành 17/17-100%
Cộng	20	15	6	0	0	18	1	1

b) Số liệu của 2 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số giáo viên	15	15	Tính cả tổng phụ trách
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,5	1,5	Tính cả tổng phụ trách
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,07	0,07	
4	Tổng số giáo viên giỏi cấp huyện	2	3	Tỉ lệ GV chỉ được tham gia thi 25%
5	Tổng số giáo viên tham gia viết sáng kiến công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp huyện	2	4	
6	Giáo viên tham gia giảng dạy chuyên đề cấp cụm	0	2	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴**1. Cơ sở vật chất, thư viện trường học**

- Tổng số phòng học văn hóa 10, tỉ lệ 1 phòng/lớp.
- Phòng kiên cố (phòng xây 1 trệt 1 lầu): 8, tỉ lệ 61,5 %. Phòng cấp 4; 03, tỉ lệ 9,1%, phòng mượn 0, tỉ lệ 0.
- Tổng số phòng học xuống cấp cần xây mới 3 phòng (đã được khảo sát và đưa vào kế hoạch).
- Tổng số phòng thư viện, thiết bị 01 phòng.
- Tổng số nhà vệ sinh đảm bảo cho HS nam và nữ 01.
- Tổng số phòng học Mỹ thuật 0. Tổng số phòng Âm nhạc 0.

Đánh giá chung: Cơ sở vật chất hiện tại đã đáp ứng cơ bản nhu cầu dạy và học của nhà trường, đảm bảo 1 phòng học/lớp, đủ phòng học để tổ chức dạy học hai buổi/ngày, có khu hiệu bộ, phòng tin học (sử dụng phòng học). Nhà vệ sinh học sinh, cổng trường và hàng rào được xây mới năm 2022.

Trường chưa có một số phòng chức năng (Âm nhạc, Mỹ thuật, tiếng Anh, nhà đa năng, tin học), ba phòng học cấp 4 đã xuống cấp, quá thời hạn sử dụng (25 năm), chưa có bãi tập, khu vui chơi dành cho học sinh, sân trường đang hư hỏng.

2. Việc sử dụng thiết bị ĐDDH

Ngay đầu năm học nhà trường chỉ đạo nhân viên thư viện – thiết bị và giáo viên thực hiện tốt việc giao, nhận đồ dùng và thiết bị dạy học.

Đồ dùng được giao cho từng lớp, từng giáo viên. Mỗi lớp có một tủ đựng đồ dùng thuận tiện cho việc sử dụng đồ dùng, thiết bị của giáo viên.

Nhà trường chỉ đạo sát việc giáo viên làm và sử dụng đồ dùng dạy học thường xuyên trong các tiết lên lớp; thực hiện theo dõi việc giáo viên làm và sử dụng đồ dùng hàng ngày qua sổ theo dõi. Hầu hết giáo viên đều thực hiện nghiêm túc việc sử dụng đồ dùng dạy học.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng sổ sách điện tử trong dạy học cũng như quản lý.

Cơ sở vật chất: Ngoài phòng thư viện - thiết bị dạy học là nơi trang bị những thiết bị dùng chung. Ở mỗi phòng học nhà trường còn đặt thêm tủ đựng đồ dùng để giúp giáo viên thuận tiện trong việc sử dụng.

Đánh giá chung: Giáo viên bám sát vào Kế hoạch và Quy chế Sử dụng Cơ sở vật chất, đồ dùng và thiết bị dạy học. Chuẩn bị đầy đủ thiết bị và sử dụng thiết bị có hiệu quả khi sử dụng. Khai thác thiết bị dạy học triệt để phục vụ cho việc dạy học. Tổ chức linh hoạt trong việc đổi mới các hình thức dạy học đúng trọng tâm của bài.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Nhà trường duy trì vững chắc các tiêu chí của Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 1 từ năm học 2017-2018 theo Quyết định số 2128/QĐ/UBND ngày 14/11/2018 của chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Sau 5 năm, trường được Sở GD Lâm Đồng về đánh giá ngoài, trường được công nhận Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số 1005/QĐ-SGDĐT ngày 18/11/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT Lâm Đồng về việc cấp Chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trường Tiểu học Phúc Thọ II, huyện Lâm Hà; trường được cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Địa bàn tuyển sinh của nhà trường

Thực hiện Quyết định số 1239/QĐ-UBND, ngày 27/4/2023 của UBND huyện Lâm Hà, Quyết định ban hành kế hoạch tuyển sinh mầm non và lớp 1, lớp 6 năm học 2023 - 2024 trên địa bàn huyện Lâm Hà, nhà trường thực hiện tuyển sinh trẻ 6 tuổi trên địa bàn 03 thôn: Lâm Bô, Phúc Cát, Phúc Hợp.

*** Chỉ tiêu tuyển sinh**

- Số lớp: 02 lớp
- Số HS trên địa bàn: 50 em, đang học tại Trường Mẫu giáo Phúc Thọ 48 em và 2 em học ngoài địa bàn (có 4 em nơi khác đăng kí học tại trường).
- Tuyển tuyển sinh: tất cả học sinh có hộ khẩu thường trú tại các thôn Phúc Hợp, Lâm Bô, Phúc Cát thuộc xã Phúc Thọ.

*** Thời gian tuyển sinh:** Được chia 2 đợt:

- Đợt 1: Từ ngày 20/6/2023 đến ngày 23/6/2023, trường nhận hồ sơ của trẻ theo giấy thông báo của Hội đồng Tuyển sinh.
- Đợt 2: Từ ngày 27/6/2022 đến 30/6/2023 nhà trường sẽ gửi giấy thông báo đợt 2 của Hội đồng Tuyển sinh tới gia đình trẻ (nếu chưa làm thủ tục đợt 1).

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

Kế hoạch số 224/KH-THPTII 03/10/2023 của trường tiểu học Phúc Thọ II về kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục

Trong năm học, nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục chung. Cụ thể: Ban đại diện cha mẹ học sinh đã góp ý cho nhà trường trong việc xây dựng Kế hoạch giáo dục; phối hợp cùng nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường; phối hợp tổ chức cho học sinh tham quan, dã ngoại Đà Lạt; tổ chức các hội thi: văn nghệ, thể dục thể thao tham gia cấp cụm, cấp huyện,...

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

Nhà trường tổ chức cho học sinh học Chương trình Giáo dục kỹ năng sống và tổ chức dạy học Tiếng Anh cho học sinh lớp 1,2 theo Công văn số 1051/CV-GD ngày 27/10/2023 về việc phê duyệt dạy kỹ năng sống PoKi; dạy học Tiếng anh tự chọn lớp 1, 2, năm học 2023-2024

Triển khai dạy KNS Poki: Số học sinh tham gia 260/260 học sinh, tỉ lệ 100%. Việc tổ chức dạy kỹ năng sống cho học sinh, nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch, nội dung chương trình theo quy định của chương trình. Chất lượng học tập của học sinh tốt. Để đảm bảo tất cả học sinh được tham gia học Kỹ năng sống Poky,

nhà trường phối hợp với công ty Cổ phần Kết nối Trường học Việt Nam miễn học phí cho 70 em có hoàn cảnh khó khăn, con em giáo viên nhà trường.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Tổng số trẻ 6 tuổi: 54 em. Trong đó:

+ Số trẻ 6 tuổi trên địa bàn: 50 em.

+ Số trẻ 6 tuổi ngoài địa bàn: 04 em.

* Tổng số trẻ đã tuyển sinh: 54 em.

Trong đó số trẻ trên địa bàn đã tuyển sinh 50/50 em, đạt 100%.

- Số lớp: 2; Điểm trường chính: 2 lớp.

* Bảng số liệu

TT	Tổng số trẻ trên địa bàn	Số trẻ 6 tuổi học nơi khác	Số trẻ ngoài địa bàn	Tổng số trẻ đã tuyển sinh	Số trẻ chưa ra lớp	Tỉ lệ
1	50	0	4	54	0	100

* Bảng Tổng hợp học sinh lớp 1 năm học 2023 - 2024

T T	Tổng số học sinh		Nữ	Dân tộc	6 tuổi	7-8 tuổi	Chưa qua mẫu giáo	Trong địa bàn	Ngoài địa bàn	Ghi chú
	Mới tuyển	Lưu ban								
1	54	0	25	40	54	0	1	50	4	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

* **Kết quả học tập:** trường Có 01 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Môn	Tổng số	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tiếng Việt	259	110	42,5	146	56,4	3	1,1
Toán	259	122	47,2	135	52,1	2	0,7

* Năng lực

- Lớp 1, 2, 3, 4

Nội dung	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Năng lực chung	215	85	39,5	127	59,1	3	1,4
NL đặc thù	215	79	36,7	133	61,9	3	1,4

- Lớp 5

Nội dung	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tự phục vụ, tự quản	44	19	43,2	25	56,8	0	
Hợp tác	44	20	45,5	24	54,5	0	
Tự học và GQVĐ	44	17	38,6	27	61,4	0	
NL		19	42,4	25	57,6		

* **Phẩm chất**

- Lớp 1, 2, 3, 4

Nội dung	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Yêu nước	215	130	60,5	85	39,5		
Nhân ái	215	112	52,0	103	48,0		
Chăm chỉ	215	90	41,9	122	56,7	3	1,4
Trung thực	215	110	51,2	105	48,8		
Trách nhiệm	215	94	43,7	121	56,3		
PC		107	49,8	108	50,2		

- Lớp 5

Nội dung	Tổng số	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
Chăm học, chăm làm	44	19	43,2	25	56,8		
Tự tin, trách nhiệm	44	23	52,3	21	47,7		
Trung thực, kỉ luật	44	20	45,5	24	54,5		

Đoàn kết, yêu thương	44	26	59,1	18	40,9		
PC		22	50,0	22	50,0		

*** Kết quả giáo dục**

- Lớp 1, 2, 3, 4

Tổng số	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
215	41	19,1	39	18,1	132	61,4	3	1,4

- Lớp 5

Tổng số	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
44	7	16,0	37	84,0		

*** Kết quả xét Hoàn thành chương trình lớp học**

- Tổng số học sinh được xét Hoàn thành chương trình lớp học là 215 em. Trong đó, Hoàn thành chương trình lớp học 212/215, đạt tỉ lệ 98,6%.

- Số học sinh Chưa hoàn thành chương trình lớp học 03/215, tỉ lệ 1,4%.

Có 01 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

*** Công tác tổ chức kiểm tra lớp 5, xét Hoàn thành chương trình Tiểu học**

Tổng số học sinh xét Hoàn thành chương trình Tiểu học là 44 em. Kết quả có 44/44 em được xét Hoàn thành chương trình Tiểu học, đạt tỉ lệ 100%.

*** Số học sinh được xét khen thưởng cuối năm học**

* Đối với lớp 1, 2, 3, 4

Tổng số học sinh được khen thưởng 145/259 em, chiếm tỉ lệ 56%. Trong đó:

- Số lượng học sinh khen thưởng danh hiệu Học sinh Xuất sắc và hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện 56/259 em, tỉ lệ 21,6%.

- Khen thưởng danh hiệu Học sinh Tiêu biểu và có thành tích vượt trội 48/259 em, tỉ lệ 18,5%.

*** Khen đột xuất**

- Số học sinh được khen đột xuất: có 21/259 em khen đột xuất, tỉ lệ 8,1%.

*** Khen hội thi**

- Số học sinh được khen đạt kết quả cao trong hội thi và phong trào: có 37/259 em được khen đột xuất, chiếm tỉ lệ 14,3%.

Về hoạt động giáo dục tăng cường:

Dạy học Tiếng Anh lớp 1,2: Tổng số lớp 1, 2 học tiếng Anh 4/4 lớp -100%.

- Dạy học 2 tiết/tuần 113/113, tỉ lệ 100%.

- Tổng số học sinh lớp 1 làm quen tiếng Anh 55/55, tỉ lệ 100%.

- Tổng số học sinh lớp 2 làm quen tiếng Anh 58/58, tỉ lệ 100%.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học:

Tổng số học sinh xét Hoàn thành chương trình Tiểu học là 44 em. Kết quả có 44/44 em được xét Hoàn thành chương trình Tiểu học, đạt tỉ lệ 100%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động:

Thu từ nguồn ngân sách nhà nước: 3.555.060.315 đồng

Trong đó: Nguồn kinh phí tự chủ: 3.098.000.000 đồng

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Chi cho con người: 2.821.795.882

Chi cho các khoản chi khác: 276.204.118 đồng

Nguồn kinh phí không tự chủ: 457.060.315 đồng

Chi hỗ trợ chi phí học tập: 36.150.000 đồng

Chi hỗ trợ học bổng học sinh khuyết tật: 23.640.000 đồng

Chi sửa chữa sân khấu, nhà xe : 200.000.000 đồng

Chi thiết bị công nghệ thông tin: 19.000.000 đồng

Chi mua sắm bộ ti vi loa phục vụ công tác dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018: 59.960.000 đồng

Chi giáo viên dạy trẻ khuyết tật: 99.060.315

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học ngoài học phí:

2.1 Thu BHYT bắt buộc năm học 2023-2024 (Thu hộ)

Thực hiện theo hướng dẫn số: 1134/BHXH-QLTST ngày 12/07/2023 về việc hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh năm học: 2023 -2024;

- Nhà trường tổ chức triển khai thu BHYT học sinh, đảm bảo 100% học sinh có thẻ BHYT và nộp về cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện đúng theo mức đóng: 79/79 em phải thu nộp.

2.2. Thu - chi tiền Tiếng Anh lớp 1,2 năm học 2023 -2024:

+ Tổng thu: 49.500.000 đồng

+ Tổng cộng chi tiền anh văn là: 49.500.000 đồng

2.3. Tiền nước uống học sinh:

+ Tồn năm trước mang sang: 0

+ Tổng thu tiền nước uống trong năm: 15.240.000 đồng

+ Tổng chi tiền nước uống: 15.240.000 đồng

2.4. Thu – chi tiền vệ sinh trong năm học 2023-2024:

+ Tồn năm trước mang sang: 0

+ Tổng cộng thu tiền vệ sinh trong năm: 45.720.000 đồng

+ Tổng chi tiền vệ sinh: 45.720.000 đồng

2.5. Thu -Chi tiền dạy học kỹ năng sống PoKy năm học 2023-2024:

+ Tồn năm trước mang sang: 0

+ Tổng cộng thu tiền dạy học kỹ năng sống PoKy: 65.520.000 đồng

+ Tổng chi tiền kỹ năng sống Poky: 65.520.000 đồng

Tất cả các số tiền của của cha mẹ phụ huynh học sinh đều được nộp vào kho bạc nhà nước và nhà trường thực hiện thu - chi theo văn bản hướng dẫn quy định

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Chi hộ trợ chi phí học tập: 36.150.000 đồng

Chi hộ trợ học bổng học sinh khuyết tật: 23.640.000 đồng

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Tồn nguồn không tự chủ tại kho bạc 19.250.000 đồng

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, quy chế được thảo luận, thống nhất thông qua toàn thể viên chức, người lao động nhà trường được

biết và thực hiện. Quy chế sử dụng và quản lý tài sản công được xây dựng theo giai đoạn, được điều chỉnh, bổ sung hằng năm, khi có sự thay đổi của Nhà nước đảm bảo phù hợp. Hiện tại, nhà trường đã ban hành và thực hiện Quy chế ban hành theo Quyết định số 27/QĐ-THPTII, ngày 01/02/2024 của Trường Tiểu học Phúc Thọ II.

Nhà trường phổ biến, tuyên truyền, quán triệt các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật: Cập nhật các văn bản và hướng dẫn của cấp trên kịp thời về việc mua sắm và sử dụng tài sản công trong đơn vị; sự thay đổi tài sản và cách sắp xếp, điều chuyển các loại hình tài sản đúng với quy định của Nhà nước.

Nhà trường theo dõi sử dụng tài sản công trên phần mềm online tại trang lamdong.qlts.vn

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Các loại hình dạy học

- Dạy học 9 buổi/tuần 10/10 lớp, tỉ lệ 100%.

2. Triển khai Đề án dạy học tiếng Anh

- Tổng số giáo viên tiếng Anh 02, biên chế 01, thỉnh giảng 01.

2.1. Tổng số học sinh lớp 3 lớp 4 và lớp 5 là 147 em.

- Dạy học 4 tiết/tuần 147/147, tỉ lệ 100%.

- Tổng số học sinh lớp 3 học 4 tiết/tuần là 54/54 em, tỉ lệ 100%.

- Tổng số học sinh lớp 4 học 4 tiết/tuần là 51/51 em, tỉ lệ 100%.

- Tổng số học sinh lớp 5 học 4 tiết/tuần là 44/44 em, tỉ lệ 100%.

2.2. Tổng số lớp 1, 2 làm quen tiếng Anh 4/4 lớp, tỉ lệ 100%.

- Dạy học 2 tiết/tuần 113/113, tỉ lệ 100%.

- Tổng số học sinh lớp 1 làm quen tiếng Anh 55/55, tỉ lệ 100%.

- Tổng số học sinh lớp 2 làm quen tiếng Anh 58/58, tỉ lệ 100%.

Đánh giá chung: Nhà trường đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị để tổ chức dạy học hai buổi/ngày. Tổ chức dạy học cho 10/10 lớp với tổng số học sinh tham dự 260 em. Khối lớp 1, 2, 3 thời lượng 32 tiết/tuần, khối lớp 4, 5 thời lượng 33 tiết/tuần.

Chất lượng dạy học ngày càng được nâng cao, 100% học sinh hoàn thành chương trình môn học.

3. Môn tin học

- Tổng số giáo viên Tin học 01 giáo viên, biên chế 0, hợp đồng 01.

- Tổng số lớp 3, 4, 5 tổ chức dạy Tin học là 6/6 lớp, tỉ lệ 100%.

- Tổng số học sinh lớp 3 học tin học 52/52 em, tỉ lệ 100%.

- Tổng số học sinh lớp 4 học tin học 51/51 em, tỉ lệ 100%.
- Tổng số học sinh lớp 5 học tin học 44/44 em, tỉ lệ 100%.

4. Kết quả thực hiện tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật

4.1. Học sinh khuyết tật

- Tổng số học sinh khuyết tật 1 em, tổng số HS học hòa nhập 1 em.

Nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên trực tiếp giảng dạy, chủ động điều chỉnh nội dung, chương trình dạy học, phương pháp dạy học, môi trường học tập, cơ sở vật chất theo hướng miễn, giảm, thay thế một số nội dung môn học, hoạt động giáo dục sao cho phù hợp với học sinh khuyết tật học hòa nhập (mức độ tật, dạng tật, khả năng, nhu cầu,...) và điều kiện thực tế nhà trường. Chú trọng giáo dục các kĩ năng xã hội cho học sinh như: biết ứng xử với gia đình, bạn bè; tự chăm sóc bản thân; tham gia các hoạt động tập thể... Những vấn đề có điều chỉnh được Hiệu trưởng ra quyết định và thể hiện trong kế hoạch cá nhân.

Mỗi giáo viên dạy trẻ khuyết tật học hòa nhập có kế hoạch cá nhân để giảng dạy trẻ khuyết tật học hòa nhập (ngoài ra nội dung học tập được tích hợp trong kế hoạch bài dạy).

4.2. Triển khai các biện pháp cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc

Toàn trường có 172 học sinh dân tộc thiểu số, trong quá trình giảng dạy giáo viên đã triển khai và thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học, đặc biệt chú trọng đến môn tiếng Việt.

Trong năm học, nhà trường tiếp tục tổ chức dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc với thời lượng 2 tiết/tuần cho học sinh từ lớp 1 lớp 5 và sử dụng tài liệu “Em nói tiếng Việt (lớp 1), tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số”.

Do được sắp xếp thời lượng Tăng cường tiếng Việt trong thời khóa biểu nên kết quả môn tiếng Việt nói riêng và kết quả học tập của học sinh nói chung trong năm học đạt được khá cao. Kết quả giáo dục môn tiếng Việt toàn trường 256/259 em hoàn thành môn học, đạt tỉ lệ 98,6%

5. Đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2016 và Thông tư 27/2020

Đối với lớp 1, 2, 3, 4: Thực hiện đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh tiểu.

Đối với lớp 5: Thực hiện đánh giá theo Thông tư 22/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều

của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với đánh giá thường xuyên nội dung học tập các môn học, hoạt động giáo dục, giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá, nhưng chủ yếu thông qua lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của học sinh khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời (trước đây, giáo viên dùng lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của học sinh khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời).

Trên đây là Báo cáo thường niên của trường Tiểu học Phúc Thọ II năm học 2023-2024./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Bùi Thị Hồng Lâm